

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301427564
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 (Bốn mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
- Số điện thoại: 08.37547999; Số fax: 08.37547996
- Website: www.duocphongphu.com.vn; www.duocphongphu.vn
- Mã cổ phiếu: PPP

2. Quá trình hình thành và phát triển

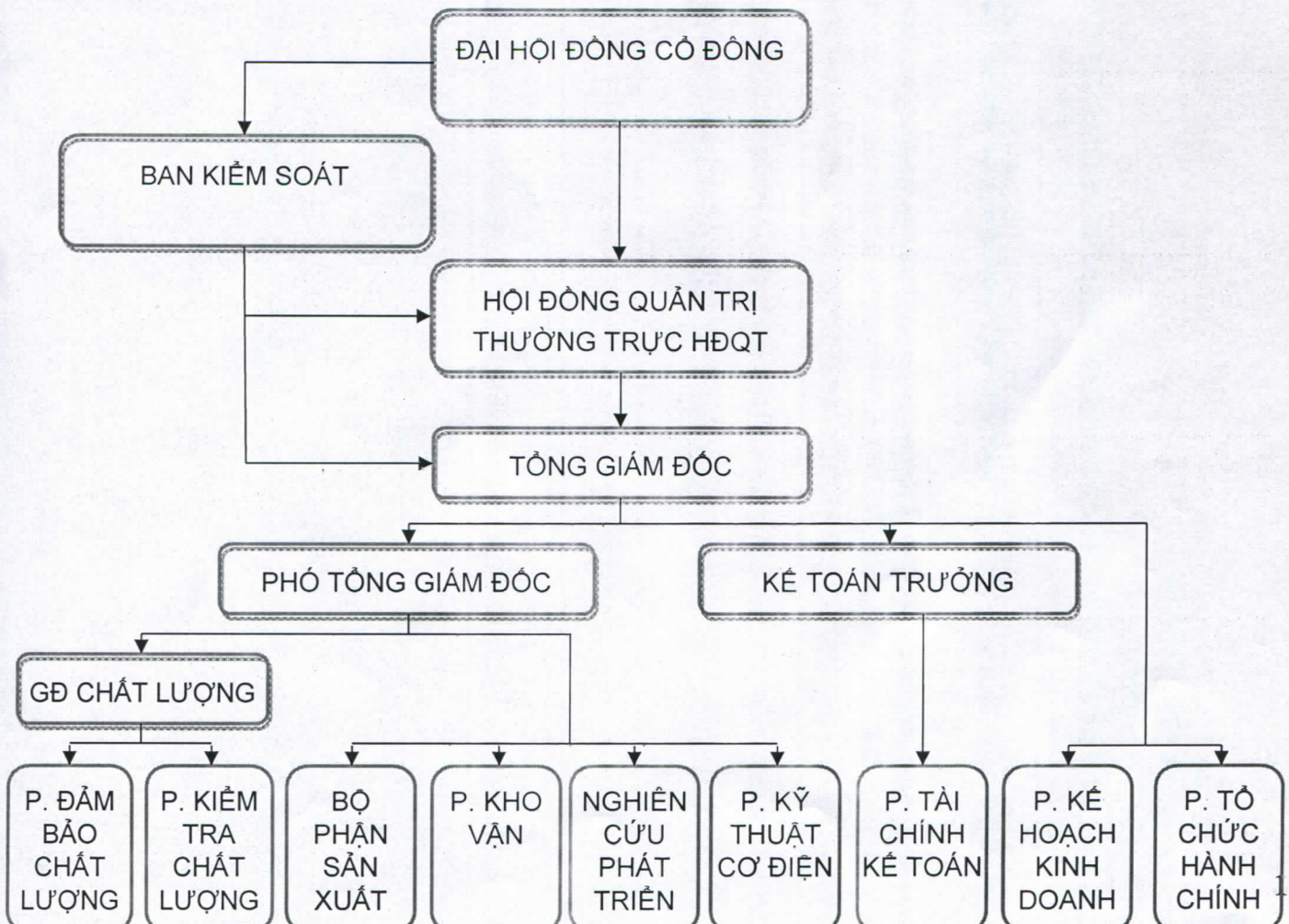
- Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú được thành lập ngày 20/08/2000, theo quyết định số 8030/QĐ-UB-KT ngày 28/12/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời điểm niêm yết: 18/07/2011.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất Kinh doanh thuốc và thực phẩm chức năng.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: theo sơ đồ tổ chức dưới đây:



- Công ty con: Công ty TNHH Usar Việt Nam
 - + Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM
 - + Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn và bán lẻ thuốc
 - + Công ty Phong Phú góp 100% tổng số vốn điều lệ 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng)

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nhà máy sản xuất đã hoạt động ổn định và đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Tuy nhiên, danh mục sản phẩm được phép sản xuất chưa nhiều, chưa sử dụng hết công suất sản xuất của máy móc thiết bị đã đầu tư, trong đó, tỷ lệ sản phẩm tân dược/ tổng sản phẩm được phép sản xuất còn thấp. Mục tiêu của Công ty trong năm 2016 là tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, sản phẩm đặc trị để đa dạng hóa sản phẩm, sử dụng hết công suất máy móc, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Song song đó, việc xây dựng đội ngũ kinh doanh ngày càng có chất lượng về chuyên môn, xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp trên cả nước là mục tiêu quan trọng nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Xây dựng chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển sản phẩm trong giai đoạn 2016-2018 phù hợp với tình hình thực tế, năng lực sản xuất của Công ty và nhu cầu của thị trường. Đặc biệt giữ vững các thị trường truyền thống và chú trọng phát triển các thị trường mới, tiềm năng.

- + Tăng cường mở rộng hợp tác với khách hàng trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt chú trọng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, thực phẩm chức năng.

- + Tập trung xây dựng thương hiệu USAR của Nhà máy sản xuất dược phẩm USARICHPHARM đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

- + Công ty TNHH USAR Việt Nam có kết quả kinh doanh khả quan qua 02 năm kể từ ngày thành lập. Đây là tín hiệu tốt chứng tỏ chính sách của Công ty hợp lý. Vì vậy, việc tiếp tục đẩy mạnh mạng lưới kinh doanh, mở rộng thị phần, quảng bá sản phẩm của Công ty thông qua hệ thống Hiệu thuốc trực thuộc phân phối lẻ cần được duy trì và phát triển.

- + Từng bước tiếp tục hoàn thiện hệ thống hoạt động hoàn chỉnh, xuyên suốt và khép kín từ khâu sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, khâu phân phối đạt tiêu chuẩn GDP đến hệ thống kinh doanh chuỗi hiệu thuốc đạt tiêu chuẩn GPP của Công ty. Việc xây dựng hoàn chỉnh chuỗi hoạt động liên hoàn này sẽ đem lại những thế mạnh mới, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty nhưng đòi hỏi nhiều thời gian, nguồn nhân lực và tài chính. Đây chính là một trong những mục tiêu quan trọng, lâu dài mà Công ty hướng đến trong tương lai.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro thị trường:

- Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

- Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

b. Rủi ro tín dụng:

- Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và

thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam, mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

c. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

- Công ty quản lý rủi ro thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, phù hợp với các khoản vay ở mức đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

- Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.563.020.090	108.410.806.278
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.249.248.210	603.315.598
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.313.771.880	107.807.490.680
4. Giá vốn hàng bán	80.544.202.573	89.148.776.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.769.569.307	18.658.713.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	475.132.607	181.320.770
7. Chi phí tài chính	1.134.544.655	2.532.412.085
Trong đó: Chi phí lãi vay	975.877.776	2.478.063.425
8. Chi phí bán hàng	4.555.418.640	4.053.672.291
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.232.593.145	7.909.839.509
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.322.145.474	4.344.110.685
11. Thu nhập khác	93.229.522	6.890.590.507
12. Chi phí khác	81.045.210	4.391.202.915
13. Lợi nhuận khác	12.184.312	2.499.387.592
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.334.329.786	6.843.498.277
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.521.986.456	899.232.911
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.812.343.330	5.944.265.366
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	4.812.343.330	5.944.265.366
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	909	1,552

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ hoàn thành
Vốn điều lệ	60.000.000.000	45.000.000.000	-
Doanh thu thuần	142.000.000.000	99.313.771.880	69,94 %
Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.500.000.000	6.322.145.474	140,49 %
Lợi nhuận khác	-	12,184,312	-
Lợi nhuận sau thuế	3.510.000.000	4.812.343.330	137,10 %
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	5,85	5,85	100,00 %
Số CB-CNV (người)	130	130	100,00 %

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYÊN MÔN	SỐ CP	TỶ LỆ
1	Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD	1.701.891	37,82%
2	Hồ Vinh Hiền	Phó Tổng GD	Dược sĩ	281.900	6,26%
3	Nguyễn Minh Hùng	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán	1.000	0,02%
4	Nguyễn Văn Hùng	GD Chất lượng	Dược sĩ	1.000	0,02%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: (không có)

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 130 người. Trong đó:

- + Ban điều hành: 04 người.
- + Phòng Tổ chức Hành chính: 05 người.
- + Phòng Tài chính Kế toán: 06 người.
- + Phòng Kinh doanh: 05 người
- + Phòng Kế hoạch: 05 người.
- + Phòng Kho vận: 07 người.
- + Phòng Nghiên cứu phát triển: 06 người.
- + Phòng Kỹ thuật Cơ điện: 06 người.
- + Phòng Đảm bảo chất lượng: 07 người.
- + Phòng Kiểm tra chất lượng: 09 người.
- + Bộ phận sản xuất: 70 người.

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc của Nhân viên Công ty là 48 giờ/ tuần. Tùy theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận làm thêm giờ. Chế độ làm thêm giờ được thực hiện theo quy định của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Lao động.

Hàng năm, công nhân trực tiếp sản xuất được cung cấp từ 02-03 bộ đồ bảo hộ lao động. Công ty luôn tạo điều kiện môi trường vệ sinh công nghiệp tốt cho khu vực sản xuất trực tiếp. Bộ phận văn phòng được trang bị đầy đủ thiết bị quản lý cho nhân viên thực hiện công việc đạt hiệu quả.

+ **Chính sách đào tạo:**

Đào tạo về chuyên môn: Công ty luôn động viên và có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp về chuyên môn nghiệp vụ ngành từ sơ cấp, trung cấp, đại học,... tùy theo tính yêu cầu công việc cần đào tạo Công ty tạo điều kiện về thời gian học tập.

Đào tạo về quản lý: Thực hiện nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, Công ty có chính sách đưa nhân viên tham gia các lớp quản lý ngắn ngày, theo chuyên đề phục vụ cho công việc quản lý như: Chứng khoán, quản lý dự án, quản lý sản xuất, các lớp về tiêu chuẩn ngành dược: GMP, GLP, GSP, GDP, GPP.

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ;
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình của Công ty.

+ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

Chính sách lương: Công ty xây dựng hệ thống thang bảng lương rõ ràng, minh bạch theo quy định pháp luật và thực tế tại đơn vị. Mức lương quy định luôn cao hơn mức quy định của Nhà nước. Việc xét nâng lương cũng được quy định rõ, để người lao động được biết và thực hiện. Ngoài việc nâng lương định kỳ, lao động được nâng lương trước thời hạn khi có thành tích tốt trong học tập và lao động.

Chính sách thưởng: Công ty có quy chế thi đua khen thưởng, nhằm khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty. Công ty có chính sách bình chọn các danh hiệu thi đua như: tập thể tiên tiến, tập thể xuất sắc, cá nhân tiên tiến, cá nhân xuất sắc,... kèm theo những danh hiệu được bình chọn, các tập thể, cá nhân đạt thành tích còn được nhận giải thưởng bằng hiện vật và hiện kim. Trong một số trường hợp, đối với cá nhân đạt thành tích tốt còn được xem xét nâng lương trước thời hạn.

Bảo hiểm và phúc lợi: 100% CB-CNV Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH-BHYT-BHTN đúng quy định hiện hành. Chế độ nghỉ phép được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành. Các mức chi thăm hỏi, hiếu, hỷ, trợ cấp khó khăn cho người lao động được trích từ Quỹ phúc lợi. Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch bằng quỹ phúc lợi trích lại hàng năm.

Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần. Ngoài ra, tập thể Người lao động được mua bảo hiểm tai nạn 24/24.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Tổng kết năm 2015, Công ty TNHH Usar Việt nam (là công ty con, 100% vốn của Công ty) mang lại lợi nhuận gần 670 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/ giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
- Tổng giá trị tài sản	118.877.731.033	117.418.750.050	1,22
- Doanh thu thuần	107.807.490.680	99.313.771.880	7,87
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.344.110.685	6.322.145.474	45,53
- Lợi nhuận khác	2.499.387.592	12.184.312	99,51
- Lợi nhuận trước thuế	6.843.498.277	6.334.329.786	7,44
- Lợi nhuận sau thuế	5.944.265.366	4.812.343.330	19,04
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.579	909	42,43

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2.30	1.12	
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1.48	0.71	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.58	0.54	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.37	1.16	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	5.85	5.14	
Hàng tồn kho bình quân			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.91	0.85	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.51%	4.85%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11.84%	8.87%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5.00%	4.10%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Số và Loại cổ phần đang lưu hành			Tình trạng chuyển nhượng			
Phổ thông	Khác	Tổng	Tự do	Hạn chế	Tổng	Ghi chú
4.500.000	-	4.500.000	2.897.999	1.602.001	4.500.000	Số CP bị hạn chế do hạn chế theo quy định pháp luật và cam kết của chủ sở hữu

b. Cơ cấu cổ đông: (Cổ đông lớn - cổ đông nhỏ; Cổ đông tổ chức - cổ đông cá nhân; Cổ đông trong nước - cổ đông nước ngoài; Cổ đông nhà nước - các cổ đông khác).

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	- Cổ đông lớn:	2.373.373	52.74
	- Cổ đông nhỏ:	2.126.627	47.26
	- Tổng:	4.500.000	100
2	- Cổ đông tổ chức:	433.712	9.64
	- Cổ đông cá nhân:	4.066.288	90.36
	- Tổng:	4.500.000	100
3	- Cổ đông trong nước:	4.497.300	99.94
	- Cổ đông nước ngoài:	2.700	0.06
	- Tổng:	4.500.000	100
4	- Cổ đông nhà nước:	389.582	8.66
	- Cổ đông khác:	4.110.418	91.34
	- Tổng:	4.500.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2015 vốn điều lệ công ty không có thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đánh giá hoạt động:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 đã đạt một số chỉ tiêu chính, các chỉ tiêu về sản xuất và bán hàng dù chưa đạt như kỳ vọng nhưng một số chỉ tiêu về tài chính vượt xa kế hoạch đề ra, trong đó lợi nhuận sau thuế vượt hơn 37% so với kế hoạch. Một số nguyên nhân chủ yếu để đạt được kết quả như trên như sau:

+ Ban lãnh đạo Công ty sâu sát hơn trong công tác đào tạo và quản lý nhân viên, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình hoạt động.

+ Công tác quản lý chi phí được thực hiện tốt, đảm bảo những khoản chi phí là cần thiết và hợp lý.

Tuy nhiên, năm qua Công ty vẫn gặp một số vấn đề khó khăn như sau:

+ Các Hiệu thuốc trực thuộc gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế khó khăn chung cũng như sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn.

+ Chi phí tài chính vẫn còn ở mức cao do Công ty phải trả chi phí lãi vay cho khoản vay đầu tư xây dựng nhà máy.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại khu công nghiệp Tân Tạo mặc dù chưa hoạt động hết công suất do còn hạn chế về danh mục sản phẩm được phép sản xuất, nhưng dần đi vào ổn định;

+ Đội ngũ Cán bộ và công nhân viên ổn định và có trình độ chuyên môn phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Năm qua, công tác quản lý sử dụng tài sản được thực hiện tốt, hiệu quả. Nợ phải thu xấu, tài sản xấu không đáng kể và không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả vẫn còn ở mức cao do chủ yếu từ việc vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy. Tuy nhiên, Công ty vẫn kiểm soát tốt và thanh toán đúng kỳ hạn và không để tình hình nợ phải trả ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014 cơ cấu tổ chức của Công ty có một số thay đổi phù hợp với tình hình thực tế, bao gồm cả những thay đổi đối với nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung gian. Tuy nhiên, không chỉ thay đổi thuần túy về mặt tổ chức, tất cả các cá nhân từ cấp quản lý đến nhân viên, các bộ phận đều có sự phân công phân nhiệm rõ ràng để biết và thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch và định hướng phát triển trong tương lai như sau:

- Hình thành các dòng sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường và phù hợp với vị thế hiện tại của Công ty.

- Tiếp tục giữ vững và duy trì thị trường các sản phẩm Đông dược truyền thống. Chuẩn bị các phương án cần thiết nhằm đảm bảo việc sản xuất và kinh doanh dòng sản phẩm này tiếp tục phát triển bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm TPCN và TPBS, đặc biệt xây dựng nhóm sản phẩm có giá trị, chất lượng cao tại nhà máy USARICHPHARM.

- Tập trung phát triển các sản phẩm tân dược gắn liền với thương hiệu nhà máy USARICHPHARM đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Đây là hướng phát triển trọng tâm của Công ty trong thời gian tới.

- Tập trung đầu tư nguồn nhân lực cho các bộ phận Nghiên cứu phát triển, Đảm bảo chất lượng và Kiểm tra chất lượng; đẩy mạnh việc nghiên cứu sản phẩm mới mang giá trị cao gắn liền với thương hiệu nhà máy.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đối tác truyền thống. Song song đó, mở rộng việc hợp tác sản xuất kinh doanh với các đối tác mới tìm kiếm cơ hội nhượng quyền sản phẩm từ các đối tác nước ngoài.

- Đẩy mạnh hoạt động của Công ty TNHH USAR Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển các kênh phân phối đặc thù của Công ty, củng cố và xây dựng lại hệ thống hiệu thuốc Công ty phát triển bền vững và đạt hiệu quả cao.

- Hoàn thành xây dựng Gia đoạn 2 - Dây chuyền sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và sớm đi vào hoạt động.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Hoạt động của Công ty trong năm 2015 vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành dược nói riêng.

- Một số chỉ tiêu chính về sản xuất và bán hàng dù chưa đạt như kỳ vọng nhưng một số chỉ tiêu về tài chính vượt xa kế hoạch đề ra, trong đó lợi nhuận sau thuế vượt hơn 37% so với kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Với cơ cấu nhân sự mới của Ban Tổng Giám đốc hiện tại thì hoạt động của được đánh giá là có hiệu quả và đáng khích lệ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Các kế hoạch, định hướng như kế hoạch định hướng đã nêu trên.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP	TỶ LỆ	CHỨC DANH TẠI CÔNG TY CON
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT Tổng GD	1.701.891	37,82%	Phó Chủ tịch HĐTV
2	Hồ Vinh Hiền	PCT. HĐQT Phó TGĐ	281.900	6,26%	-
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TV. HĐQT	0	0%	Chủ tịch HĐTV
4	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT	151.160	3,36%	-
5	Tô Thái Hân	TV. HĐQT	138.700	3,08%	-

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không phân chia theo các tiêu ban cụ thể.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2015 Hội đồng quản trị có 8 buổi họp với sự tham dự đầy đủ các thành viên.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Có 03/05 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành tại Công ty. Tuy nhiên, các thành viên này luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để đóng góp ý kiến về những vấn đề thuộc quyền của Hội đồng quản trị.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Ông Thái Nhã Ngôn

- Ông Hồ Vinh Hiển

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng Ban kiểm soát	400	0,009%
2	Nguyễn Văn Chấn	Thành viên BKS	400	0,009%
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên BKS	51.000	1,133%
TỔNG CỘNG			51.800	1,151%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát được mời và tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm, tham gia ý kiến đóng góp trong công tác quản trị Công ty. Ban kiểm soát có những cuộc họp độc lập để đề ra phương hướng nhiệm vụ phù hợp với tình hình công ty.

- Ban kiểm soát giám sát bộ phận kế toán và bộ phận khác có liên quan trong công tác kiểm kê thực tế tồn kho nguyên liệu, hàng hóa vào kỳ kiểm kê theo quy định công ty.

- Tham gia cùng công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ 06 tháng và của cả năm 2015.

- Lập các báo cáo và góp ý cùng Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động còn tồn tại cần khắc phục của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (ngàn đồng/tháng):

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG	PHỤ CẤP	THÙ LAO	TỔNG
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT	20.100	1.000	5.000	26.100
2	Hồ Vinh Hiển	PCT. HĐQT	17.300	6.500	4.500	28.300
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TV. HĐQT		1.500	4.000	5.500
4	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT	-	-	4.000	4.000
5	Tô Thái Hân	TV. HĐQT			4.000	4.000

7	Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng BKS	7.000		4.000	11.000
8	Nguyễn Văn Chắc	TV. BKS	8.200		3.500	11.700
9	Phạm Thị Minh Tâm	TV. BKS	11.600		3.500	15.100
TỔNG CỘNG			64.200	9.000	32.500	105.700

Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền khác: Không có.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không)

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm Công ty không ký kết hợp đồng hoặc thực hiện các giao dịch với các Cổ đông nội bộ hoặc người liên quan đến các cổ đông nội bộ.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công tác quản trị Công ty trong năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- Địa chỉ: Cao ốc Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 08. 22200237; - Fax: 08. 22200265

Số: 120/2016/BCKTHN-HCM.00623

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú và công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi

ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 05 tháng 02 năm 2015.

TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-
2013-009-1

DIỆP QUỐC BÌNH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-
2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a. Bảng cân đối kế toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44,996,419,986	42,436,425,474
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10,538,236,849	10,445,448,342

Tiền	111		3,538,236,849	5,445,448,342
Các khoản tương đương tiền	112		7,000,000,000	5,000,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	-	4,000,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,777,782,805	12,058,802,979
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16,116,948,718	11,004,760,547
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	171,228,709	142,989,074
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1,489,605,378	911,053,358
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		16,324,633,462	15,006,591,093
Hàng tồn kho	141	5.6	16,324,633,462	15,006,591,093
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		355,766,870	925,583,060
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	224,173,987	90,047,829
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,194,227	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	119,398,656	835,535,231
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72,422,330,064	76,441,305,559
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		71,300,706,282	74,399,090,884
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	51,139,483,301	53,679,489,963
Nguyên giá	222		66,493,482,008	65,932,303,918
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,353,998,707)	(12,252,813,955)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	20,161,222,981	20,719,600,921
Nguyên giá	228		21,965,117,967	21,965,117,967
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,803,894,986)	(1,245,517,046)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1,121,623,782	2,042,214,675
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	1,121,623,782	2,042,214,675
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-

			117,418,750,05	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	0	118,877,731,033
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ		300	63,141,706,742	68,681,179,556
Nợ ngắn hạn		310	40,310,706,742	18,483,679,556
Phải trả người bán ngắn hạn		311	16,570,358,081	17,400,495,484
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	3,912,235,530	293,287,445
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	128,135,190	267,321,241
Phải trả người lao động		314	-	467,201,916
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	617,892,571	205,190,000
Phải trả nội bộ ngắn hạn		316	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317	-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	-	-
Phải trả ngắn hạn khác		319	6,602,438	16,552,038
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	18,560,000,000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	515,482,932	(166,368,568)
Quỹ bình ổn giá		323	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324	-	-
Nợ dài hạn		330	22,831,000,000	50,197,500,000
Phải trả người bán dài hạn		331	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn		332	-	-
Chi phí phải trả dài hạn		333	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334	-	-
Phải trả nội bộ dài hạn		335	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	-	-
Phải trả dài hạn khác		337	1,431,000,000	1,517,500,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	21,400,000,000	48,680,000,000
Trái phiếu chuyển đổi		339	-	-
Cổ phiếu ưu đãi		340	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	-	-

Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54,277,043,308	50,196,551,477
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	54,277,043,308	50,196,551,477
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45,000,000,000	45,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411			
	a		45,000,000,000	45,000,000,000
	411			
Cổ phiếu ưu đãi	b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2,205,500,000	2,205,500,000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2,619,774,643	2,138,540,310
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4,451,768,665	852,511,167
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421			
	a		852,511,167	(4,941,311,051)
	421			
LNST chưa phân phối kỳ này	b		3,599,257,498	5,793,822,218
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

440

117,418,750,05

118,877,731,033

0

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	101,563,020,090	108,410,806,278
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2,249,248,210	603,315,598
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99,313,771,880	107,807,490,680
Giá vốn hàng bán	11	6.3	80,544,202,573	89,148,776,880
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18,769,569,307	18,658,713,800
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	475,132,607	181,320,770
Chi phí tài chính	22	6.5	1,134,544,655	2,532,412,085
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		975,877,776	2,478,063,425
Chi phí bán hàng	25	6.6	4,555,418,640	4,053,672,291
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7,232,593,145	7,909,839,509
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,322,145,474	4,344,110,685
Thu nhập khác	31	6.8	93,229,522	2,849,131,120
Chi phí khác	32		81,045,210	349,743,528
Lợi nhuận khác	40		12,184,312	2,499,387,592
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,334,329,786	6,843,498,277
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1,521,986,456	899,232,911
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,812,343,330	5,944,265,366
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	990	1,552

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	6,334,329,786	6,843,498,277
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		-	-
Khấu hao tài sản cố định	02	3,659,562,692	3,713,711,500
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	158,666,879	10,461,021
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(475,132,607)	(2,556,927,161)

Chi phí lãi vay	06	975,877,776	2,478,063,425
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	10,653,304,526	10,488,807,062
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(921,064,532)	(3,706,045,660)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(1,318,042,369)	485,226,090
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2,492,812,672)	3,716,322,409
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	786,464,735	498,552,192
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(976,447,665)	(2,526,123,425)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(792,568,033)	(899,232,911)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	534,245,642
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(40,000,000)	(90,889,058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	4,898,833,990	8,500,862,341
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(561,178,090)	(1,632,480,823)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	6,427,526,799
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7,000,000,000)	(12,082,880,222)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11,000,000,000	8,082,880,222
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	475,132,607	170,859,749
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3,913,954,517	965,905,725
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15,200,010,000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	49,060,000,000	7,401,307,330
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(57,780,000,000)	(23,086,707,052)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8,720,000,000)	(485,389,722)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	92,788,507	8,981,378,344
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	10,445,448,342	1,464,069,998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	10,538,236,849	10,445,448,342

d. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Toàn bộ Bản báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 (Kể cả bản thuyết minh Báo cáo tài chính) của Công ty đã được kiểm toán được công bố trên các trang web của Công ty: www.duocphongphu.com.vn; - www.duocphongphu.com.vn

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- SGDCK HN;
- Lưu Thư ký.



TỔNG GIÁM ĐỐC

THÁI NHÃ NGÔN

